

Bản án số: 02/2018/HSST
Ngày 19-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hứa Thị Nhị và bà Võ Thị Mơ.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song*** tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đăk Song mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2017/HSST, ngày 27 tháng 11 năm 2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/HSST-QĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn N, sinh ngày 14 tháng 3 năm 1994, tại tỉnh Đ; trú tại: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Thúc S và bà Nguyễn Thị T; tiền án: 02 tiền án. Năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 07 tháng 26 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam A, xã A, huyện P, tỉnh B— có mặt.

2. Trần Văn H (HC), sinh ngày 03 tháng 6 năm 1995, tại tỉnh Đ; nơi ĐKKHKT: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh B; trú tại: thôn T1, xã B, huyện P, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con Trần Văn N và bà Trịnh Thị T; tiền án: 01 tiền án. Ngày 23/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh B xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 17/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” bản án của Tòa án nhân dân huyện B1

ngày 23/8/2013, buộc bị cáo Trần Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù, tính từ ngày 04/01/2017.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam A xã A, huyện P, tỉnh B— có mặt.

- **Bị hại:** Chị Phan Thị T, sinh năm 1981 – có mặt.

Trú tại: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 11/2016, do có nhu cầu mua xe máy nên Trần Văn H nói Hà Văn N đi tìm cho H chiếc xe máy nào trộm cắp được để bán cho H với giá rẻ thì N đồng ý. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 26/11/2016, Hà Văn N cùng Nguyễn Văn D đi từ thị xã Đ1, tỉnh B đến tỉnh Đ chơi. Khi đi đến xã T, huyện Đ, do hết tiền nên N cùng D xuống xe khách và thuê nhà nghỉ qua đêm tại xã T, đợi đến sáng hôm sau sẽ tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/11/2016, N và D trả phòng nhà nghỉ rồi cùng nhau đi tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp, khi đi bộ đến nhà chị Phan Thị T, ở bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ, thì N, D phát hiện thấy trong sân nhà chị T có 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu vàng đen bạc BKS: 48B1- 379.37, số khung: 1250FY017609, số máy: HC12B7017572, không có người trông coi. D đứng ngoài đường canh giới, còn N đi vào trong sân lén lút dắt xe máy ra đường Quốc lộ 14, rồi D ngồi lên xe, N dắt xe theo chiều xuống dốc về hướng thị xã G, N dùng 01 thanh kim loại tự chế bao gồm cần để bẻ hình tròn có chiều dài 12,2cm, đường kính 0,6cm và lưỡi một đầu dẹt, một đầu hình lục giác có chiều dài 7,4cm (bộ vam phá khóa) mở ổ khóa điện khởi động xe máy rồi chờ D về huyện P, tỉnh B. Tại đây, N dùng bộ vam phá khóa mở cốp xe thì thấy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48B1- 379.37. Sau đó, N liên hệ với Trần Văn H rồi hẹn gặp tại xã P1, huyện P, tỉnh B để bán cho H. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 28/11/2016, N chạy xe máy hiệu Honda Wave BKS: 48B1- 379.37, cùng giấy tờ xe đến gặp H. Sau khi thỏa thuận thì N bán cho H với giá 8.000.000 đồng, do H chưa có đủ tiền nên trả trước 3.800.000 đồng, số tiền còn lại H hẹn trả sau. Sau đó, N đưa cho D số tiền 3.800.000 đồng. Khoảng 2 đến 3 ngày sau H đưa cho N số tiền 200.000 đồng, N đưa cho D số tiền này. Sau khi mua xe máy thì H đã sử dụng để đi bán ma túy thì bị lực lượng Công an huyện P, tỉnh B bắt quả tang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35 ngày 04/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắc Song kết luận: chiếc xe máy hiệu Honda loại Wave BKS: 48B1- 379.37 có giá trị thành tiền là **17.600.000** đồng.

Tại Bản cáo trạng số 76/CTr - VKS ngày 24 tháng 11 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song đã truy tố bị cáo Hà Văn N, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân huyện Đắc Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: điểm c khoản 2 Điều

138 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Hà Văn N mức án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 15 tháng tù tại bản án số 35/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Văn H mức án tù 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 06 năm tù tại bản án số 43/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 06 năm 09 tháng đến 07 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị T có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 8.000.000 đồng đối với tài sản mà N, H đã gây ra, nên cần buộc N, H phải liên đới bồi thường các thiệt hại hợp lý cho chị T.

Về vật chứng vụ án: đối với 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave BKS: 48B1-379.37, số khung: 1250FY017609, số máy: HC12B7017572, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Phan Thị T là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận.

Tại phiên toà các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Do có thỏa thuận việc mua bán xe máy trộm cắp được từ trước với Trần Văn H nên sáng ngày 27/11/2016, Hà Văn N cùng Nguyễn Văn D đã lén lút bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave BKS: 48B1- 379.37, số khung: 1250FY017609, số máy: HC12B7017572 của chị Phan Thị T, tại bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ, rồi mang về tỉnh B bán lại cho Trần Văn H với số tiền 4.000.000 đồng, sau đó H sử dụng chiếc xe này phạm tội thì bị cơ quan CSĐT Công an huyện P bắt giữ. Giá trị thiệt hại tính thành tiền của chiếc xe máy BKS:

48B1- 379.37 mà Hà Văn N và Nguyễn Văn D chiếm đoạt của người bị hại là 17.600.000 đồng.

Bị cáo H tuy không trực tiếp tham gia trộm cắp xe máy nhưng là người hứa hẹn mua tài sản trộm cắp cho bị cáo N, do đó hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự với vai trò đồng phạm.

Bị cáo N đã phạm tội trong trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích mà còn phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Việc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Hà Văn N, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c. Tái phạm nguy hiểm;

...

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong dư luận quần chúng nhân dân. Để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong xã hội cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

Trong vụ án này có 02 bị cáo và đối tượng D tham gia, tuy nhiên hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn không mang tính tổ chức. Tuy nhiên, cần xét đến vai trò của từng bị cáo để phân hóa hình phạt cho phù hợp. Bị cáo N là người đã hứa hẹn có thể trộm cắp được xe máy để bán cho H và đồng thời là người thực hành tích cực do đó vai trò của bị cáo N trong vụ án là cao hơn bị cáo H.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo Trần Văn H đã tự thú về hành vi phạm tội của mình, đồng thời tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm r, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của BLHS, HĐXX sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Tình tiết tăng nặng: bị cáo Trần Văn H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo H đã có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” tuy nhiên các bị cáo không chịu cảnh tỉnh lấy đó làm bài học cho mình mà còn tiếp tục phạm tội thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên nhiều địa bàn khác nhau; sau khi thực hiện lần phạm tội này các bị cáo còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khác. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[6] Xét đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa hôm nay là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Đối với Nguyễn Văn D, là người thực hiện hành vi trộm cắp cùng Hà Văn N, quá trình điều tra xác định D đã chết vào ngày 05/7/2017 nên không xem xét xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại chị Phan Thị T yêu cầu các bị cáo Hà Văn N, Trần Văn H phải bồi thường cho chị số tiền 8.000.000đ, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị T. Xét thấy thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Về vật chứng vụ án: việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã trả lại 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave BKS: 48B1- 379.37, số khung: 1250FY017609, số máy: HC12B7017572, cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Phan Thị T là phù hợp nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hà Văn N và Trần Văn H (HC) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 138 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Hà Văn N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” của bản án số 35/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B. Buộc bị cáo Hà Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H (HC) 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của bản án số 43/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B. Buộc bị cáo Trần Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2017.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 604; Điều 605; Điều 608 BLDS năm 2005. Buộc các bị cáo Hà Văn N, Trần Văn H phải liên đới bồi thường cho chị Phan Thị T số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), được chia theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 BLTTHS; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 về phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hà Văn N và Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu

